

*
BAN CÔNG TÁC NÔNG DÂN
Số 02-TB/BCTND

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn đơn vị chủ trì dự án liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, thực hiện trong năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15, ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15, ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT, ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT, ngày 23/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC, ngày 31/5/2026 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 07-QĐ/HNDTW, ngày 22/6/2026 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc điều chỉnh nội dung, kinh phí thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, chuyển sang thực hiện trong năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 77-QĐ/HNDTW, ngày 08/7/2026 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam điều chỉnh nội dung, kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, chuyển sang thực hiện năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 89-QĐ/HNDTW, ngày 22/7/2026 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 07-QĐ/HNDTW, ngày 22/6/2026 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc điều chỉnh nội dung, kinh phí thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, chuyển sang thực hiện trong năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 91-QĐ/HNDTW, ngày 29/7/2026 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc điều chỉnh kinh phí và phê duyệt nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, chuyển sang thực hiện trong năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 95-QĐ/HNDTW, ngày 30/7/2026 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và kinh phí thực hiện Dự án 3 “Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng” Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, chuyển sang thực hiện trong năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 70-TB/HNDTW, ngày 28/7/2026 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam thông báo kết luận của Thường trực Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tại cuộc họp ngày 23/7/2026.

Ban Công tác Nông dân thông báo đến cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã có nhu cầu đăng ký, đề xuất thực hiện dự án liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, thực hiện trong năm 2026 các nội dung cụ thể như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Hỗ trợ hội viên, nông dân phát triển các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, thực hiện giảm nghèo bền vững, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đóng góp vào sự thành công của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

1.2. Yêu cầu

Các đơn vị tham gia chủ trì liên kết có năng lực pháp lý, năng lực tài chính, hạ tầng kỹ thuật và kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, đáp ứng các yêu cầu tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày

05/7/2018, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

Các hộ gia đình tham gia dự án phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đối tượng thụ hưởng theo quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ, chưa được nhận hỗ trợ từ chính sách thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và các chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện năm 2026 của địa phương.

2. Danh mục dự án liên kết theo chuỗi giá trị

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Đối tượng tham gia nộp hồ sơ đề xuất tham gia Dự án liên kết theo chuỗi giá trị

- Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia nộp hồ sơ đề xuất có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề phù hợp với yêu cầu của dự án.

- Có hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm làm chủ trì dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo danh mục dự án tại mục 2 thông báo này. (Hồ sơ năng lực, Hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm...).

4. Thành phần và số lượng hồ sơ đề xuất

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (*mẫu số 04, phụ lục kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ*).

- Thuyết minh dự án/kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (*mẫu số 05, phụ lục kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ*).

- Biên bản thoả thuận cử đơn vị làm chủ trì liên kết (nếu có) (*mẫu số 06, phụ lục kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, ngày 31/12/2025 của Chính phủ*).

- Cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ; bản sao hợp đồng liên kết có chứng thực...

b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính (chữ ký trực tiếp, đóng dấu), 05 bản sao.

5. Địa điểm, thời gian nộp hồ sơ

- Hồ sơ nộp trực tiếp, hoặc gửi qua đường bưu điện (tính theo dấu bưu điện) về Ban Công tác Nông dân, địa chỉ số 109 Quán Thánh, phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

- Thời hạn nộp hồ sơ: trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo (trong giờ hành chính).

- Thời gian tổ chức đánh giá lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết sau 07 ngày làm việc, tính từ ngày kết thúc nhận hồ sơ.

- Thời gian nhận đơn kiến nghị và giải đáp kiến nghị về kết quả lựa chọn (nếu có), không quá 05 ngày làm việc, tính từ ngày ban hành Thông báo kết quả lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết.

- Thời gian hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền lựa chọn dự án, sau 10 ngày làm việc, tính từ ngày ban hành thông báo kết quả lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết.

Ban Công tác Nông dân thông báo đến các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã có quan tâm được biết và nộp hồ sơ đăng ký tham gia để được lựa chọn chủ trì liên kết theo quy định./.

(Mọi thông tin chi tiết để đăng ký, đề nghị xem tại Cổng thông tin điện tử của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam: <http://www.hoinongdan.org.vn>).

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Thường trực TW Hội (để b/c),
- Cổng TTĐT TWH (để t/h),
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Phan

Danh mục dự án liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, năm 2026
(Kèm theo Thông báo số 02 - TB/BCTND ngày 30/7/2026 của Ban Công tác Nông dân)



STT	Tên Dự án	Địa điểm	Kinh phí Nhà nước hỗ trợ thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị Chủ đầu tư
1	Xây dựng mô hình “Nuôi gà thương phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất góp phần giảm nghèo bền vững” tại thành phố Đồng Nai	Thành phố Đồng Nai	700.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
2	Xây dựng mô hình “Nuôi gà thương phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất góp phần giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Tuyên Quang	Tỉnh Tuyên Quang	1.600.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
3	Xây dựng mô hình “Nuôi gà thương phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất góp phần giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	700.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
4	Xây dựng mô hình “Chăn nuôi gà an toàn sinh học” tại tỉnh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	2.000.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
5	Xây dựng mô hình “Nuôi gà thương phẩm” tại tỉnh Cao Bằng	Tỉnh Cao Bằng	2.000.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
6	Xây dựng mô hình “Nuôi gà thương phẩm” tại tỉnh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	2.000.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
7	Xây dựng mô hình “Nuôi gà thương phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất góp	Tỉnh Quảng Trị	500.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân

	phần giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Quảng Trị				
8	Xây dựng mô hình “Nuôi dê thương phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất góp phần giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	1.150.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
9	Xây dựng mô hình “Nuôi dê thương phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất góp phần giảm nghèo bền vững” tại thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	1.150.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
10	Xây dựng mô hình “Nuôi dê thương phẩm, phát triển sản xuất, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập” tại thành phố Đồng Nai	Thành phố Đồng Nai	1.150.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
11	Xây dựng mô hình “Nuôi dê thương phẩm, phát triển sản xuất, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập” tại tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	1.150.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
12	Xây dựng mô hình “Nuôi dê thương phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất góp phần giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Lạng Sơn	Tỉnh Lạng Sơn	1.500.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
13	Xây dựng mô hình “Nuôi dê thương phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất góp phần giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	1.500.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
14	Xây dựng mô hình “Nuôi bò sinh sản tạo sinh kế giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Lai Châu	Tỉnh Lai Châu	1.000.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân

15	Xây dựng mô hình “Nuôi bò sinh sản tạo sinh kế giảm nghèo bền vững” tại xã Bình Mỹ, tỉnh Ninh Bình	Xã Bình Mỹ, tỉnh Ninh Bình	1.000.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
16	Xây dựng mô hình “Nuôi bò sinh sản tạo sinh kế giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	1.000.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
17	Xây dựng mô hình “Nuôi bò sinh sản tạo sinh kế giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị	1.000.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
18	Xây dựng mô hình “Nuôi bò sinh sản tạo sinh kế giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	1.600.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
19	Xây dựng mô hình “Nuôi bò H'Mông sinh sản hỗ trợ phát triển sản xuất góp phần giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Tuyên Quang	Tỉnh Tuyên Quang	2.663.178.500	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
20	Xây dựng mô hình “Nuôi bò sinh sản tạo sinh kế giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	1.888.021.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
21	Xây dựng mô hình “Nuôi bò sinh sản tạo sinh kế giảm nghèo bền vững” tại tỉnh Lai Châu	Tỉnh Lai Châu	1.500.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
22	Xây dựng mô hình “Nuôi vịt sinh sản, phát triển sản xuất, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập” tại thành phố Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	700.000.000	Năm 2026	Ban Công tác Nông dân
Tổng cộng			29.451.199.500		